

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN (SEASPIMEX)**

Mã chứng khoán: **SPV**

Trụ sở chính: 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Người thực hiện công bố thông tin: bà Nguyễn Kim Hậu

Địa chỉ: 558 Ấp Cầu Tre, Xã Lợi Bình Nhơn, Tp. Tân An, Long An

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Đính chính Báo cáo thường niên năm 2024.

Đồng thời Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.seaspimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Thông báo đính chính thông tin.
- Báo cáo số 19/BC-TDS-HDQT ngày 28/02/2025 đã cập nhật.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nguyễn Kim Hậu

THÔNG BÁO
Về việc đính chính Báo cáo thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đã được kiểm toán ngày 10/02/2025,

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản thông báo về việc đính chính số liệu tại Báo cáo thường niên năm 2024 như sau:

| Nội dung | Thông tin đã công bố | Thông tin đính chính |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu năm 2024 (tỷ đồng) | 571,06 | 580,40 |
| Lợi nhuận trước thuế năm 2024 (tỷ đồng) | 27,76 | 27,75 |

- Lý do đính chính: Do sai sót trong quá trình lập báo cáo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN *hual*

Nguyễn Kim Hậu

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/BC-TĐS-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26 tháng 4 năm 2025.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV
- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 01/09/1983, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX VIETNAM) được hình thành trên cơ sở tách Phòng Kinh doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam (SEAPRODEX VIETNAM), đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Ngày 11/01/2002, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX - VIETNAM).

Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – (SEASPIMEX - VIETNAM) đã góp một phần không nhỏ vào công cuộc đổi mới đất nước.

Với sự lớn mạnh của mình, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được nhà nước phong tặng “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ hoạch định những chiến lược đúng hướng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, cụ thể:

+ Ngày 01/09/2008, Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

+ Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: Logo, các ấn phẩm văn phòng, trang web, bao bì cho toàn bộ sản phẩm...

Từ khi thành lập, Công ty luôn chú trọng tập trung vào chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm thủy hải sản giá trị gia tăng mới cho thị trường. Vì vậy, thương hiệu Seaspimex luôn tự hào được tin tưởng ở cả thị trường Việt Nam và quốc tế với phương châm “*Chất Lượng Tạo Nên Sự Khác Biệt*”

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết, hiện đăng ký giao dịch UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

| Stt | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|------------|---|----------------------------------|
| 1 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)</i> | 1080 |
| 2 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i> | 1020 (Chính) |
| 3 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh.</i> | 6810 |

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Công ty phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và tiêu thụ tại thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị Công ty (gồm 05 thành viên):

- Ông Huỳnh An Trung Chủ tịch
- Ông Lê Vĩnh Hòa Thành viên
- Ông Diệp Nam Hải Thành viên
- Bà Nguyễn Kim Hậu Thành viên
- Ông Lê Văn Hùng Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty (gồm 03 thành viên):

- Ông Phạm Văn Tranh Trưởng ban
- Bà Lê Cao Thùy Linh Thành viên
- Ông Phạm Xuân Quang Thành viên

Ban Điều hành Công ty gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Kim Hậu Tổng Giám đốc (bổ nhiệm TGD từ ngày 18/3/2024)
- Ông Đặng Thành Trung Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Minh Thông Kế toán trưởng

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản bao gồm các phòng ban, phân xưởng, chi nhánh, địa điểm kinh doanh sau:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá Hồi, Phân xưởng Đồ Hộp, Phân xưởng Súc Sản, Phân xưởng Đông Lạnh.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri

+ Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

+ Khuôn viên: 5.000m²

+ Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại Hà Nội

+ Địa chỉ : 30-32 Hòa Mã, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

+ Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

+ Fax : 024. 37719431

Là đơn vị được ủy quyền quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ Thành phố Vinh trở ra Bắc.

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

- Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV...).

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng phương thức cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV học giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

259
NG
PH
Đ
P.H

5. Các rủi ro

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt; Chính sách và quy định chặt chẽ của thị trường Châu Âu ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang thiếu hụt, chưa đáp ứng; hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình mảng kinh doanh xuất khẩu năm 2024 các nhóm hàng chính: ghẹ đóng hộp, đùi ếch ngay từ đầu năm duy trì ổn định do đảm bảo nguồn cung nguyên liệu theo tốc độ tăng trưởng bán hàng, sản lượng và giá nguyên liệu đầu vào không biến động lớn và duy trì tương đối ổn định.

Đội ngũ Cán bộ quản lý được duy trì, công nhân trực tiếp được điều phối hợp lý đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng tiến độ các đơn hàng kinh doanh nội địa và XK.

Công tác phát triển, cải tiến sản phẩm được duy trì thường xuyên nhằm gia tăng chất lượng và đảm bảo tính cạnh tranh. Ngành hàng xúc xích đa dạng hơn phù hợp theo yêu cầu thị trường, đáp ứng sản lượng hàng bán gia tăng theo nhu cầu của kinh doanh.

Quan hệ với các khách hàng gia công trong và ngoài nước được đánh giá cao, duy trì ổn định Công ty có cơ hội mở rộng nhóm đối tượng khách hàng gia công xuất khẩu.

Đảm bảo đầy đủ các chứng chỉ quốc tế: BRC, IFS, HACCP, SA 8000, MSC... phục vụ công tác bán hàng xuất khẩu, nội địa. Tiếp tục triển khai hệ thống quản lý ISO 22000.

Hoạt động của Chi nhánh Ba Tri đã đi vào ổn định và có hiệu quả.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 2ha đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2 sau khi hoàn thành thủ tục thanh toán cho Ban quản lý KCN.

Nguồn vốn được cơ cấu đảm bảo đáp ứng cho sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó vẫn còn các khó khăn, tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu tăng trưởng, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu đặc biệt ở nhóm mặt hàng Cá đóng hộp, EU vẫn duy trì áp đặt rào cản kỹ thuật cho hàng thủy sản đánh bắt sản xuất chế biến XK kéo theo cơ quan quản lý Nhà nước ban hành các Nghị định Thông tư siết chặt hoạt động khai thác, chính trị thế giới tiếp tục bất ổn do nguy cơ chiến tranh và các mối nguy xung đột tại khu vực có tuyến đường hàng hải quốc tế chính dẫn đến tăng chi phí vận chuyển làm cho hoạt động kinh doanh XK càng thêm khó khăn.

Hoạt động kinh doanh ngành hàng Cá hộp xuất khẩu vẫn đối diện với việc cạnh tranh về giá bán, giấy tờ khai báo nguồn gốc nguyên liệu khai thác. Thị trường ếch xuất khẩu đi EU và Mỹ kiểm nghiệm ngặt về chất lượng hàng hóa: nguồn gốc nuôi trồng, vi sinh và tồn dư kháng sinh trong nuôi trồng. Cơ quan quản lý Nhà nước thực thi nhiều thủ tục kiểm tra đối với nguồn gốc và quá trình nuôi trồng gây nhiều khó khăn và kéo dài thời gian ảnh hưởng tiêu cực cho hoạt động bán hàng.

Khó tuyển dụng và không duy trì ổn định số lượng lao động trực tiếp do nguồn lực lao động phổ thông do: môi trường làm việc tương đối khắc nghiệt, thời gian làm việc kéo dài, chi phí sinh hoạt đắt đỏ... dẫn đến người lao động tìm kiếm cơ hội việc làm ở ngành nghề khác và các tỉnh.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng xuống cấp thường xuyên hư hỏng luôn cần duy tu sửa chữa, dây chuyền công nghệ lạc hậu ảnh hưởng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Một số công đoạn phụ thuộc vào lao động thủ công năng suất thấp do chưa có nguồn lực đầu tư máy móc thiết bị thay thế.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo, Điều hành Công ty đã nỗ lực để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, cụ thể kết quả thực hiện năm 2024:

| STT | Khoản mục | ĐVT | Lũy kế cùng kỳ | Kế hoạch 2024 | Thực hiện năm 2024 | So sánh KH | So sánh cùng kỳ |
|-------------------------------|-----------------------------|----------------|----------------|---------------|--------------------|---------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/5 | 8=6/4 |
| Tổng cộng toàn Công ty | | | | | | | |
| | Tổng doanh thu | <i>tỷ đồng</i> | 447,89 | 450,00 | 580,40 | 128,98 | 129,59 |
| | Doanh thu xuất khẩu | triệu USD | 13,80 | 16,07 | 17,27 | 107,45 | 125,13 |
| | Sản lượng sản xuất | tấn | 1.868,26 | 2.663,40 | 3.522,32 | 132,25 | 188,54 |
| | Sản lượng gia công | tấn | 4.227,86 | 2.682,00 | 5.067,14 | 188,93 | 119,85 |
| | Lợi nhuận TT | <i>tỷ đồng</i> | 23,37 | 22,00 | 27,75 | 126,14 | 118,74 |
| a. Nhà máy Bình Chánh | | | | | | | |
| | Doanh thu | tỷ đồng | 462,63 | 417,24 | 621,75 | 149,01 | 134,40 |
| | Doanh số xuất khẩu | triệu USD | 12,66 | 14,70 | 17,02 | 115,78 | 134,47 |
| | <i>Kinh doanh XK</i> | <i>tỷ đồng</i> | <i>342,97</i> | <i>322,24</i> | <i>533,08</i> | <i>165,43</i> | <i>155,43</i> |
| | <i>Kinh doanh nội địa</i> | <i>tỷ đồng</i> | <i>66,71</i> | <i>95,00</i> | <i>88,67</i> | <i>93,34</i> | <i>132,93</i> |
| | Sản lượng sản xuất | tấn | 1.660,87 | 2.508,40 | 2.754,70 | 109,82 | 165,86 |
| | Sản lượng gia công | tấn | 4.227,86 | 2.682,00 | 5.067,14 | 188,93 | 119,85 |
| | Lợi nhuận TT | tỷ đồng | 22,12 | 21,00 | 23,42 | 111,54 | 105,90 |
| | - <i>Kinh doanh XK</i> | <i>tỷ đồng</i> | <i>19,05</i> | <i>16,25</i> | <i>20,06</i> | <i>123,46</i> | <i>105,32</i> |
| | - <i>Kinh doanh nội địa</i> | <i>tỷ đồng</i> | <i>3,07</i> | <i>4,75</i> | <i>3,36</i> | <i>70,74</i> | <i>109,52</i> |
| b. Chi nhánh Ba Tri | | | | | | | |
| | Doanh thu | tỷ đồng | 62,24 | 32,76 | 95,97 | 292,96 | 154,20 |
| | Doanh số xuất khẩu | triệu USD | 1,14 | 1,37 | 0,66 | 48,25 | 57,83 |
| | Sản lượng sản xuất | tấn | 207,38 | 155,00 | 767,61 | 495,23 | 370,14 |
| | Lợi nhuận TT | tỷ đồng | 1,23 | 1,00 | 4,33 | 433,30 | 352,28 |
| c. Chi nhánh Hà Nội | | | | | | | |
| | Doanh thu | tỷ đồng | 9,70 | | 5,05 | | 52,04 |
| | Lợi nhuận TT | tỷ đồng | 0,02 | | | | |

(Số liệu doanh thu năm 2024 đã loại trừ DT nội bộ: 142,4 tỷ đồng)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

| Stt | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Trình độ | Thâm niên công tác | Chức vụ | Sở hữu CP (%) |
|-----|----------------|-----------|-----------|-----------------|--------------------------------------|---------|---------------|
| 1 | Nguyễn Kim Hậu | Nữ | 12/5/1984 | Cử nhân Kinh tế | 01/5/2021 Bổ nhiệm 18/3/2024 | TGD | 0,00 |
| | Nguyễn Kim Hậu | Nữ | 12/5/1984 | Cử nhân Kinh tế | 01/5/2021 Miễn nhiệm 18/3/2024 | Phó TGD | 0,00 |

| | | | | | | | |
|---|-------------------|-----|------------|---------------------------|-------------------------------------|---------|------|
| 2 | Đặng Thành Trung | Nam | 16/02/1979 | Kỹ sư Điện, Điện tử | 03/5/2019 Bổ nhiệm 10/02/2023 | Phó TGĐ | 0,00 |
| 3 | Trương Minh Thông | Nam | 23/11/1981 | Cử nhân Kinh tế | 01/02/2020 | KTT | 0,04 |

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2024:

+ Ngày 18/3/2024: Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Nguyễn Kim Hậu và bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2024: 658 LĐ

+ Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 9.882.815 đồng.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động.

+ Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV.

+ Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho Công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng....

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

| STT | Nội dung | ĐVT | Giá trị đầu tư (đồng) |
|------------------|---|------------|-----------------------|
| 1 | Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | VNĐ | 0 |
| 2 | Đầu tư dài hạn khác | VNĐ | 1.116.230.738 |
| Tổng cộng | | VNĐ | 1.116.230.738 |

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng giảm |
|---|----------|----------|-------------|
| <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 340.258 | 402.187 | 18,20 |
| Doanh thu thuần | 443.238 | 564.528 | 27,36 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 24.525 | 30.294 | 23,52 |
| Lợi nhuận khác | (1.155) | (2.540) | 120,95 |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.370 | 27.753 | 18,75 |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.039 | 21.328 | 18,23 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | 5 | 5 | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: Tổng giá trị tài sản Doanh thu Thuế và các khoản phải nộp Lợi nhuận trước thuế Lợi nhuận sau thuế | | | |
|---|--|--|--|

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | Năm 2023 | Năm 2024 |
|--|------|----------|----------|
| 1. Khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i> | Lần | 1,09 | 1,17 |
| Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i> | Lần | 0,58 | 0,43 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ / Tổng tài sản | % | 51,15 | 55,46 |
| Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu | % | 104,72 | 124,53 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân</i> | Vòng | 1,36 | 1,52 |
| Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i> | Vòng | 4,99 | 3,86 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i> | % | 4,07 | 3,78 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i> | % | 5,54 | 5,75 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i> | % | 11,48 | 12,35 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần

(Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 10/02/2025 (Ngày đăng ký cuối cùng, danh sách do VSDC cung cấp), Công ty có 376 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

| STT | Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------|-------------------|------------------|
| A | Cổ đông trong nước | 366 | 10.586.600 | 98,024 |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông Tổ chức | 6 | 7.751.240 | 71,771 |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 360 | 2.835.360 | 26,253 |
| B | Cổ đông Nước ngoài | 10 | 213.400 | 1,976 |
| TỔNG CỘNG | | 376 | 10.800.000 | 100 |
| Trong đó: | | | | |
| + Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP) | | 4 | 7.585.820 | 70,239 |
| + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0 % | | | | |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi trở thành công ty cổ phần:

Ngày 15/04/2002, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 68.000.000.000 đồng.

Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ từ 68.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Vốn điều lệ trước phát hành: **68.000.000.000** đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: **108.000.000.000** đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng

Phát hành thêm cổ phiếu

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 30%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 204.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu thưởng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 05%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 34.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông lớn

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 162.000 cổ phiếu

- Cơ sở pháp lý:

• Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2007 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản về việc tăng vốn;

• Thông báo số 142/SPM ngày 16/05/2007 của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 thay đổi lần thứ 5.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty năm 2024

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp;

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2024:

Nhà máy Bình Chánh : 9.768.843 kg

Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri : 778.075 kg

Tổng cộng : 10.546.918 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

| STT | Loại năng lượng | ĐVT | Nhà máy Bình Chánh | CN XNTS Ba Tri | Tổng cộng |
|-----|-----------------|-----|--------------------|----------------|-----------|
| 1 | Điện | KWh | 7.839.764 | 863.872 | 8.703.636 |
| 2 | Dầu DO | Lít | 800 | 19.806 | 20.606 |
| 3 | Củ thanh cây | Kg | 2.860.880 | 0 | 2.860.880 |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

| Stt | Nguồn cung cấp nước | ĐVT | Nhà máy Bình Chánh | CN XNTS Ba Tri | Tổng cộng |
|-----|---------------------|----------------|--------------------|----------------|-----------|
| 1 | Thủy cục | m ³ | 2.852 | 2.036 | 4.888 |
| 2 | Khai thác nước ngầm | m ³ | 61.328 | | 61.328 |

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2024: 658 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 9.882.815 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước người lao động ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Về xuất khẩu

Doanh thu lũy kế năm 2024 đạt 533,08 tỷ đồng, lợi nhuận 20,06 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh XK tiếp tục duy trì và gia tăng các ngành hàng có hiệu quả cao: đùi ếch đi EU và Mỹ, thịt ghe đóng hộp. Tuy nhiên các đơn hàng Cá hộp XK vẫn còn khó khăn do cạnh tranh giá bán, thị trường EU bắt buộc phải đạt chứng nhận C/c các lô hàng xuất dẫn đến làm giảm cơ hội mở rộng thị trường.

b) Về gia công

Hoạt động gia công của các nhóm khách hàng nước ngoài và trong nước được duy trì ổn định, sản lượng gia công đã có tín hiệu tăng trưởng sau giai đoạn khó khăn các năm trước.

c) Kinh doanh nội địa

Doanh thu lũy kế đạt được 88,67 tỷ đồng, lợi nhuận đạt được 3,36 tỷ đồng.

Phòng KDND tiếp tục phát triển khai thác thị trường nội địa qua các kênh siêu thị, duy trì hợp tác với Cholimexfood, đã triển khai đội ngũ bán hàng khai thác kênh truyền thống khu vực Miền Tây.

Hoạt động Kinh doanh nội địa 3 tháng đầu năm tương đối khó khăn do sức mua giảm sau thời điểm Tết Âm lịch, tuy nhiên ngay từ đầu năm Phòng đã có xây dựng kế hoạch triển khai khai thác thị trường Miền Tây bằng cách đẩy mạnh kinh doanh các dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng, Cá đóng hộp.

2. Tình hình tài chính

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | SỐ CUỐI QUÝ IV | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | 232,817,456,762 | 174,309,061,394 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 22,871,377,948 | 10,122,045,939 |
| 1. Tiền | 111 | 22,871,377,948 | 10,122,045,939 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 183,014,981 | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 183,014,981 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 55,737,033,928 | 76,530,095,134 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | 55,306,759,955 | 91,136,248,633 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 2,635,704,030 | 1,506,039,109 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | - | - |

| | | | |
|---|------------|------------------------|-----------------------|
| 5. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 198,500,000 | 5,381,888,922 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | (2,403,930,057) | (21,494,081,530) |
| 7. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 148,142,731,874 | 82,455,227,282 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 149,692,731,874 | 82,455,227,282 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | (1,550,000,000) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5,883,298,031 | 5,201,693,039 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | - | 5,263,346 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 5,861,042,441 | 5,184,414,576 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 22,255,590 | 12,015,117 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ | 154 | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | - | - |

| | | | |
|--|------------|------------------------|------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | 169,370,476,936 | 165,949,541,746 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 316,000,000 | 316,000,000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn nội bộ | 214 | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác' | 216 | 316,000,000 | 316,000,000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 101,853,512,262 | 108,018,095,334 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 84,176,303,848 | 89,647,631,644 |
| . Nguyên giá | 222 | 247,525,393,171 | 246,350,257,038 |
| . Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | (163,349,089,323) | (156,702,625,394) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | - | - |
| . Nguyên giá | 225 | - | - |
| . Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 17,677,208,414 | 18,370,463,690 |
| . Nguyên giá | 228 | 26,506,568,000 | 26,506,568,000 |
| . Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | (8,829,359,586) | (8,136,104,310) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - |
| . Nguyên giá | 231 | - | - |

| | | | |
|--|------------|------------------------|------------------------|
| . Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | - | - |
| IV. Tài sản dài hạn dở dang | 240 | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | - | - |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 1,116,230,738 | 1,116,230,738 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 1,116,230,738 | 1,116,230,738 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 66,084,733,936 | 56,499,215,674 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 65,498,745,292 | 56,499,215,674 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 585,988,644 | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 402,187,933,698 | 340,258,603,140 |

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | SỐ CUỐI QUÝ IV | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | 223,066,392,070 | 174,053,089,391 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 193,932,816,910 | 159,525,352,400 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | 47,800,215,269 | 40,815,239,246 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 312 | 2,515,788,751 | 2,463,104,698 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 2,791,453,473 | 2,515,648,547 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 19,504,753,978 | 16,049,188,847 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5,811,713,439 | 2,131,646,365 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 7,087,782,119 | 6,344,414,496 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 106,161,578,010 | 88,463,870,000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | 2,259,531,871 | 742,240,201 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 29,133,575,160 | 14,527,736,991 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | 7,055,575,160 | 14,427,736,991 |

| | | | |
|--------------------------------------|-----|----------------|-------------|
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 335 | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 337 | 1,300,000,000 | 100,000,000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 338 | 20,250,000,000 | - |
| 5. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 528,000,000 | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | - | - |
| 8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 343 | - | - |

| | | | |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | 179,121,541,628 | 166,205,513,749 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 179,121,541,628 | 166,205,513,749 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 108,000,000,000 | 108,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 108,000,000,000 | 108,000,000,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 10,800,000,000 | 10,800,000,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 8,446,988,961 | 8,446,988,961 |
| 8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 51,874,552,667 | 38,958,524,788 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 30,546,655,368 | 20,918,960,051 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | 21,327,897,299 | 18,039,564,737 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 402,187,933,698 | 340,258,603,140 |

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): Giá trị tổng giá trị tài sản tăng 61,9 tỷ đồng so với năm trước. Nợ phải thu giảm 20,8 tỷ đồng so với năm trước chủ yếu là nợ luân chuyển, không có nợ phải thu quá hạn; hàng tồn kho tăng 65,6 tỷ đồng dự trữ cho hoạt động kinh doanh mùa nguyên liệu trái vụ trong năm.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả tăng 49 tỷ đồng so với năm trước, chủ yếu nợ luân chuyển trong khả năng thanh toán, do nhập nguyên liệu tồn kho tăng thêm; vay ngắn hạn, dài hạn tăng thêm (38 tỷ đồng)

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.

- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.

- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Qua thực tế SXKD năm 2024, dự báo tình hình năm 2025 sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức, kế hoạch các chỉ tiêu cụ thể :

| Nội dung | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | |
|---|-----------|--------------------|-------------------|---------------------|
| | | | Giá trị | So sánh KH/2024 (%) |
| I. NHÀ MÁY SEASPIMEX | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 621,75 | 520,0 | 83,6 |
| Trong đó Doanh số XK | Triệu USD | 17,02 | 17,2 | 101,1 |
| 1.1 Kinh doanh nội địa | Tỷ đồng | 88,67 | 90,0 | 101,5 |
| 1.2 Kinh doanh xuất khẩu | Tỷ đồng | 533,08 | 430,0 | 80,7 |
| 2. Sản lượng sản xuất | Tấn | 2.754,70 | 2.500,0 | 90,8 |
| 3. Sản lượng gia công | Tấn | 5.067,14 | 4.820,0 | 95,1 |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 23,42 | 23,6 | 100,8 |
| 4.1 Kinh doanh nội địa | Tỷ đồng | 3,36 | 5,0 | 148,8 |
| 4.2 Kinh doanh xuất khẩu | Tỷ đồng | 20,06 | 18,6 | 92,7 |
| II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 95,97 | 30,0 | 31,3 |
| Trong đó Doanh số XK | Triệu USD | 0,66 | 1,2 | 181,5 |
| 2. Sản lượng sản xuất | Tấn | 767,61 | 240,0 | 31,3 |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 4,33 | 1,35 | 31,2 |
| III. CHI NHÁNH HÀ NỘI | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 5,05 | - | 0,0 |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | | - | |
| IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên) | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 580,40 | 550,0 | 94,8 |
| Trong đó Doanh số XK | Triệu USD | 17,27 | 18,4 | 106,6 |
| 2. Sản lượng sản xuất | Tấn | 3.522,32 | 2.740,0 | 77,8 |

| Nội dung | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | |
|-------------------------|---------|--------------------|-------------------|---------------------|
| | | | Giá trị | So sánh KH/2024 (%) |
| 3. Sản lượng gia công | Tấn | 5.067,14 | 4.820,0 | 95,1 |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 27,75 | 25,0 | 90,1 |

Giải pháp thực hiện:

Duy trì ổn định hoạt động gia công XK và trong nước, thực hiện đa dạng hóa các nhóm sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng các nguồn cung cấp nguyên vật liệu trong nước.

Duy trì kiểm soát các chi phí sản xuất, tối ưu hóa nhân công sản xuất, khai thác tối đa công suất thiết bị và hợp lý hóa quy trình sản xuất.

Kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng, có giải pháp khắc phục không để tái diễn các lỗi chất lượng của sản phẩm đã xảy ra trong năm 2024.

Khai thác hiệu quả thiết bị sản xuất xúc xích đã đầu tư, đảm bảo sản lượng đáp ứng kế hoạch tăng trưởng kinh doanh nội địa trong năm 2025.

Đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa, trọng tâm phát triển kênh bán hàng thị trường Miền Tây. Chú trọng công tác phát triển cải tiến sản phẩm, triển khai nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới: chà bông Cá hồi, chà bông ếch...

Hoạt động kinh doanh xuất khẩu tiếp tục khai thác các ngành hàng chủ lực: đùi ếch đông lạnh, ghẹ đóng hộp, cá đóng hộp.

Tiếp tục triển khai giải pháp tăng hiệu quả tồn trữ nguyên liệu, đặc biệt nguyên liệu Cá đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh trong thời điểm gián đoạn mùa khai thác.

Xây dựng kế hoạch mới cho hoạt động kinh doanh cho thị trường Hà Nội và phía Bắc, xúc tiến tìm kiếm cơ hội hợp tác các tổng thầu phân phối tại thị trường này.

Xây dựng kế hoạch trình xin ý kiến HĐQT về việc đầu tư mới máy móc thiết bị các bộ phận sản xuất: máy ghép mí cho ghẹ và Cá đóng hộp, máy cắt cá vô lon cho dây chuyền Cá hộp; nồi hơi hấp Cá, hệ thống lạnh của CN Ba Tri; máy nhồi thịt xúc xích, máy xay thịt, dây chuyền đóng gói tự động túi xúc xích cho PXSS.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chủ trương sử dụng tiết kiệm.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời đóng góp ủng hộ các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào: Phong trào làm sạch môi trường của Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, Phong trào Chăm lo gia đình có hoàn cảnh khó khăn của Phường Tân Thới Hòa, Tân Phú....

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1) Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế quy định nội bộ đầy đủ, cập nhật kịp thời, tạo cơ chế quản trị thống nhất, góp phần đảm bảo lợi ích cổ đông.

- Đảm bảo thu nhập và việc làm, chăm lo tốt cho đời sống người lao động, thu nhập người lao động ngày càng tăng.

- Công ty quan tâm đầu tư các hạng mục liên quan đến công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, hướng đến chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, tham gia thực hiện tốt các phong trào do chính quyền phát động, các công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa...

2) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Điều hành đã tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty để triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị; báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước; Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

3) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện các chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Chỉ đạo Ban Điều hành rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát giám sát tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

| STT | Các thành viên | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Xuất khẩu (triệu USD) | Sản xuất (tấn) | Gia công (tấn) |
|------------------|--------------------------------------|---------------------|--------------------------------|-----------------------|----------------|----------------|
| 1 | Nhà máy Seaspimex (đã gồm CN Hà Nội) | 520 | | 17,2 | 2.500 | 4.820 |
| 2 | Chi nhánh Ba Tri | 30 | | 1,2 | 240 | |
| Tổng cộng | | 550 | 25 | 18,4 | 2.740 | 4.820 |

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------|---|-----------------|------------|------------------|---------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | | | |
| 1 | Ông Huỳnh An Trung | Chủ tịch HĐQT | 20/4/2019 07/4/2023 | - | - | - | - |
| 2 | Ông Diệp Nam Hải | Thành viên HĐQT không điều hành | 12/6/2020 07/4/2023 | - | - | - | - |
| 3 | Ông Lê Văn Hùng | Thành viên HĐQT không điều hành | 09/4/2021 07/4/2023 | - | - | - | - |

| | | | | | | | |
|---|-------------------|---------------------------------|-----------|---|-----------|----|---|
| 4 | Ông Lê Vĩnh Hòa | Thành viên HĐQT không điều hành | 07/4/2023 | - | 1.944.000 | 18 | Đại diện vốn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam |
| 5 | Bà Nguyễn Kim Hậu | Thành viên HĐQT | 07/4/2023 | - | - | - | - |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 05 cuộc họp gián tiếp (qua thư điện tử) để lấy ý kiến nhằm kịp thời hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ và Quy chế Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định.

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Huỳnh An Trung | 09/09 | 100% | |
| 2 | Ông Diệp Nam Hải | 09/09 | 100% | |
| 3 | Ông Lê Văn Hùng | 09/09 | 100% | |
| 4 | Ông Lê Vĩnh Hòa | 09/09 | 100% | Trực tiếp: 08; Ủy quyền 01 Lý do: Đi công tác, Ủy quyền cho Bà Lê Cao Thùy Linh - KSV |
| 5 | Bà Nguyễn Kim Hậu | 09/09 | 100% | |

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|---------------|--|-----------------|
| 1 | 01/NQ-TDS-HĐQT | 22/01/2024 | Nghị quyết thông qua một số nội dung phiên họp HĐQT thường kỳ ngày 22/01/2024 | 100% |
| 2 | 02/NQ-TDS-HĐQT | 22/01/2024 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 3 | 03/NQ-TDS-HĐQT | 22/01/2024 | Nghị quyết thông qua chủ trương thực hiện giao dịch trong năm 2024 giữa Công ty CP Thủy Đặc Sản với cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|---|------|
| 4 | 04/NQ-TĐS-HĐQT | 19/02/2024 | Quyết định thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 | 100% |
| 5 | 05/NQ-TĐS-HĐQT | 28/02/2024 | Nghị quyết về việc thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ Thường niên năm 2024 | 100% |
| 6 | 06/NQ-TĐS-HĐQT | 18/3/2024 | Nghị quyết về việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Tổng Giám đốc | 100% |
| 7 | 07/NQ-TĐS-HĐQT | 18/3/2024 | Nghị quyết về việc thông qua quỹ lương năm 2024 | 100% |
| 8 | 08/NQ-TĐS-HĐQT | 25/3/2024 | Nghị quyết về việc thông qua miễn chào mua công khai của Công ty CP Transimex | 100% |
| 9 | 09/NQ-TĐS-HĐQT | 02/5/2024 | Nghị quyết về việc sử dụng hạn mức tín dụng ngân hàng Agribank | 100% |
| 10 | 10/NQ-TĐS-HĐQT | 15/7/2024 | Nghị quyết thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 | 100% |
| 11 | 11/NQ-TĐS-HĐQT | 15/7/2024 | Nghị quyết về việc thông qua Thang bảng lương | 100% |
| 12 | 12/QĐ-TĐS-HĐQT | 15/7/2024 | Quyết định Ban hành quy chế Quản lý nợ | 100% |
| 13 | 13/NQ-TĐS-HĐQT | 05/8/2024 | Nghị quyết về việc quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2023 | 100% |
| 14 | 14/NQ-TĐS-HĐQT | 10/10/2024 | Nghị quyết về việc thông qua nội dung phiên họp HĐQT ngày 10/10/2024 gồm: - Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024 - Thông qua lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện BCTC năm 2024. | 100% |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

đ) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|---------------------|----------------|--|---------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Tranh | Trưởng BKS | Ngày bắt đầu: 24/4/2018; 07/4/2023 | Cử nhân Kinh tế |
| 2 | Ông Phạm Xuân Quang | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu: 01/9/2021 | Cử nhân Kế toán |
| 3 | Bà Lê Cao Thùy Linh | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu: 07/4/2023 | Cử nhân Kế toán |

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Tranh | 04/04 | 100% | 4/4 | |
| 2 | Ông Phạm Xuân Quang | 04/04 | 100% | 4/4 | |
| 3 | Bà Lê Cao Thùy Linh | 04/04 | 100% | 4/4 | |

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2024 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký

Trong năm 2024, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công việc cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 576.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng) theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua.

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Tổng số tiền thù lao năm 2024 (đồng/năm) | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------|--|---------|
| 1 | Ông Huỳnh An Trung | Chủ tịch HĐQT | 120.000.000 | |
| 2 | Ông Lê Vĩnh Hòa | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 3 | Ông Lê Văn Hùng | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 4 | Ông Diệp Nam Hải | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 5 | Bà Nguyễn Kim Hậu | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |

| | | | | |
|------------------|---------------------|----------------------|--------------------|--|
| 6 | Ông Phạm Văn Tranh | Trưởng Ban Kiểm soát | 60.000.000 | |
| 7 | Ông Phạm Xuân Quang | Thành viên BKS | 36.000.000 | |
| 8 | Bà Lê Cao Thùy Linh | Thành viên BKS | 36.000.000 | |
| 9 | Bà Đặng Thị Loan | Thư ký | 36.000.000 | |
| Tổng cộng | | | 576.000.000 | |

- Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty

Năm 2024, Ban Điều hành Công ty bao gồm 03 thành viên trong đó có:

+ 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty từ 18/3/2024).

+ 02 (hai) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (01 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);

+ Năm 2024, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Ban Điều hành Công ty (02 thành viên Ban Tổng Giám đốc + Kế toán trưởng).

- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và người quản lý khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo quy định.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Công ty cổ phần Transimex | Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát | 2.164.000 | 20,04 | 2.353.000 | 21,79 | mua |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, ...) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--|---------------------------------|---|--|----------------|
| 1 | Công ty CP | Cổ đông lớn | 0301874259 | 172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa | 08/5/2020 | | Hợp đồng nguyên tắc về dịch vụ vận | Giao dịch thời |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, ...) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú | |
|-----|---|-------------------------------------|-------------------------------------|---|---------------------------------|--|--|--|--|
| | Transimex | | | Kao, Quận 1, TP.HCM | | Nghị quyết 19/NQ-TĐS-HĐQT ngày 20/7/2023 | chuyển, Tổng giá trị theo thực tế sử dụng dịch vụ | điểm chưa là CĐ lớn. | |
| | | | | | | | Giá trị giao dịch năm 2024: Mua hàng: 8.464.828.776 đ Bán hàng: 267.700.001 đ | | |
| 2 | Công ty CP Thực phẩm Cholimex | Người có liên quan với Người nội bộ | 030447574 | Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP.HCM | 16/12/2019 : 01/4/2021 | | | Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa | |
| | | | | | | | Giá trị giao dịch năm 2024: Mua hàng: 88.601.558 đ Bán hàng: 26.787.962.973 đ | | |
| 3 | Chi nhánh Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) – Trung tâm Thương mại Cholimex | Người có liên quan với Người nội bộ | 0301307933-007 | 631 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5 TP.HCM | 03/02/2020 | Nghị quyết 19/NQ-TĐS-HĐQT ngày 20/7/2023 | Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa | | |
| | | | | | | | Giá trị giao dịch năm 2024: Mua hàng, dịch vụ: 540.094.799 đ Bán hàng: 965.921.612 đ | | |
| 4 | Công ty cổ phần Thương mại Phú Nhuận | Người có liên quan với Người nội bộ | 0301428617 | 314-316-318 Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận, Tp.HCM | 22/11/2019 | Nghị quyết 11/NQ-TĐS-HĐQT ngày 13/3/2023 | Hợp đồng dịch vụ thuê hội trường, tiệc (mua): 131.085.000 đ Bán hàng hóa: 17.000.000 đ | | |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của HĐQT/ HDQT... thông qua (nếu có, ...) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---|---------------------------------|---|---|---------|
| 5 | Công ty cổ phần Merufa | Người có liên quan với Người nội bộ | 0300478598 | 18 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM | 16/12/2021 | | Mua hàng hóa: 246.976.600 đ Bán hàng: 42.390.000 đ | |
| 6 | Công ty CP Transimex Logistics | Người có liên quan với Người nội bộ | 0307821849 | 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM | 01/02/2023 | Nghị quyết 19/NQ-TĐS-HĐQT ngày 20/7/2023 | Giá trị giao dịch năm 2024 : 2.128.314.320 đ | |
| 7 | Công ty CP Vinaprint | Người có liên quan với Người nội bộ | 0301306457 | Lầu 2 số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM | 09/01/2024 | Nghị quyết 03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 22/01/2024 | Bán hàng: 44.542.865 đ | |
| 8 | Công ty CP Dịch vụ Bến Thành | Người có liên quan với Người nội bộ | 0301171827 | 70 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Q1, TP HCM | 04/01/2024 | Nghị quyết 03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 22/01/2024 | Mua hàng: 1.359.798.000 đ | |

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng phù hợp, mang lại hiệu quả.

đ) Các lưu ý khác của HĐQT: Không có

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp)”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được

kiểm toán năm 2024 đã được công bố thông tin tại trang web: www.seaspimex.com.vn
(Trang Thông tin cổ đông/Báo cáo Tài chính năm 2024).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY *lu*



Huỳnh An Trung

